TÒA ÁN ND QUẬN LIÊN CHIỂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26/4/2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Chi**

Bà **Huỳnh Thị Lệ**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Võ Quang Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 513/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn hiên tòa số: 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Kx/n đường N, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà **Phan Thị Tiên** - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV DANALAW thuộc đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: số 276 đường Cù Chính Lan, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bị đơn: Ông **Trương Thanh D**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Kx/n đường N, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện nộp tại Tòa án, và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi và ông Trương Thanh D kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông D không chung thủy với

vợ, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tôi đã vì con còn nhỏ nên tha thứ nhiều lần nhưng ông D vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông D.

- *Về con chung*: Tôi xác định trong thời kỳ hôn nhân tôi và ông D có 01 con chung Trương Nguyễn H M, sinh ngày 24.11.2013. Ly hôn tôi đề nghị được nuôi con chung không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Tôi và ông D không có tài sản chung, không có nợ chung.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Thanh D trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi xác nhận tôi và bà Nguyễn Thị H kết hôn vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh một số mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ tôi có hiểu lầm tôi một số vấn đề trong cuộc sống, tôi đã giải thích cho bà H hiểu nhưng bà H cố tình không hiểu. Nay bà H yêu cầu ly hôn với tôi, tôi nhận thấy bản thân vẫn còn thương yêu vợ con, muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình nên tôi không đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng tôi được đoàn tụ.

- *Về quan hệ con chung*: Chúng tôi có 01 con chung Trương Nguyễn H M, sinh ngày 24.11.2013. Trường hợp không đoàn tụ gia đình được theo mong muốn của tôi thì tôi đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Tại bản tự khai ngày 26.3.2019 và tại phiên tòa ông D cho rằng ông có ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất tại địa chỉ: Kx/n Nguyễn C, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung, tài sản này hiện nay đứng tên bà H, nhưng ông không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

- *Về nợ chung*: Ông D xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà H không có nợ chung.

* Tại phiên tòa người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày luận cứ cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông D đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho bà H được ly hôn ông D. Về con chung luật sư đề nghị HĐXX giao cháu Trương Nguyễn H M cho bà H nuôi dưỡng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 195, 196, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Người tham gia tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Trương Thanh D đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị HĐXX chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà H và ông D là tranh chấp: Ly hôn, nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông D đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/ 2012, vào sổ số 226, quyển số 06 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân giữa bà H và ông D là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bà H yêu cầu được ly hôn với ông D. Theo bà H nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D ngoại tình, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, ông D thường xuyên gây gỗ với bà một cách vô cớ, không có lý do. Về phía ông D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông cho rằng dù vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn, ông vẫn còn thương yêu vợ con và mong muốn được đoàn tụ. Tuy nhiên ông D không đưa ra được những biện pháp khắc phục, tồn tại mâu thuẫn của vợ chồng. Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện quá trình chung sống tại địa phương. Hai vợ chồng bà H, ông D có cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn và xô xát với nhau gây mất trật tự địa phương. Sự việc được bà H báo lên Công an phường H và tổ dân phố số 28 (thể hiện tại Đơn xác nhận ngày 27 và 29.3.2019). Năm 2017 bà H cũng từng gửi đơn xin ly hôn đối với ông D thể hiện tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 57/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ cả chồng lẫn vợ, nhưng tình cảm của bà H dành cho ông D không còn. Hôn nhân giữa bà H và ông D đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H đối với ông D, xử cho bà H được ly hôn với ông D.

Về quan hệ con chung: Bà H và ông D xác định trong thời kỳ hôn nhân ông bà có 01 con chung Trương Nguyễn H M - sinh ngày 24.11.2013. Bà H và ông D đều có nguyên vọng nuôi con trong trường hợp ly hôn. HĐXX xét thấy: Cháu Trương Nguyễn H M là con gái, tính đến thời điểm ông D bà H giải quyết ly hôn tại Tòa án cháu M chưa được 06 tuổi. Hiện nay, cháu đang sống cùng với bà H, ông D. Về nguyên tắc việc nuôi con thuộc trách nhiệm của cả ông D và bà H. Tuy nhiên, hiện nay cháu M còn quá nhỏ, cháu M là con gái, để đảm bảo sự chăm sóc, phát triển về mặt tâm lý, thể chất cho cháu M trong sinh hoạt hàng ngày thì việc giao cháu M cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng sẽ là phù hợp hơn ông D.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung và ông D không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà H xác định không có tài sản chung. Ông D thời điểm hòa giải ngày 11.01.2019 cũng xác định không có tài sản chung, nhưng tại bản tự khai ngày 26.3.2019 trình bày có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, về vấn đề tài sản chung hiện nay các bên đương sự không yêu cầu. Khi nào các bên có phát sinh tranh chấp thì khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về nợ chung: Bà H, ông D đều xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ bà H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 92; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trương Thành D về việc "*Tranh chấp ly hôn, con chung*".

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trương Thanh D.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trương Nguyễn H M - sinh ngày 24.11.2013 cho bà Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc nuôi con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Trương Thanh D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

4. Về tài sản chung: Bà H xác định không có và ông D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên HĐXX không giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Nguyễn Thị H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0005861 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Tr□ờng hợp bản án đ□ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND P. H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hùng